

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 61-TC/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 1 năm 1996

THÔNG TƯ

Hướng dẫn nghĩa vụ thuế của tổ chức và cá nhân nước ngoài có hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải tại Việt Nam

- Căn cứ quy định hiện hành của Luật thuế doanh thu, Luật thuế lợi tức;
- Căn cứ Điều 5 Nghị định số 96/CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế doanh thu;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức cá nhân nước ngoài cho tổ chức và cá nhân kinh doanh tại Việt Nam thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải.

I- PHẠM VI ÁP DỤNG

- Các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động cho thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại Việt Nam (gọi tắt là bên cho thuê) là đối tượng nộp thuế doanh thu và thuế lợi tức theo quy định hướng dẫn tại Thông tư này.
- Các quy định của Thông tư này chỉ áp dụng đối với hình thức thuê sử dụng các tài sản là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải. Thuê sử dụng được thực hiện trên cơ sở hợp đồng thuê trong đó bên cho thuê đồng ý cho bên đi thuê sử dụng với điều kiện phải trả cho hoạt động cho thuê bằng tiền, hiện vật hoặc phải trả bằng hình thức khác.

II- CÁC LOẠI THUẾ PHẢI NỘP

1- Thuế doanh thu:

a) Doanh thu tính thuế:

Theo quy định tại Điều 3, Điều 8 Luật thuế doanh thu và quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/CP ngày 27/12/1995 của Chính phủ, doanh thu tính thuế đối với hoạt động cho thuê là toàn bộ số tiền thuê nhận được mà bên đi thuê trả bên cho thuê trên cơ sở hợp đồng thuê không bao gồm chi phí mà do bên cho thuê trực tiếp chi phí như bảo hiểm phương tiện, bảo dưỡng, người điều khiển và chứng nhận đăng kiểm.

Trường hợp thuê trả bằng hiện vật hoặc hình thức khác doanh thu được xác định bằng cách so sánh các hình thức thuê tương tự hoặc giá trị của vật trao đổi.

b) Thuế suất:

Hoạt động cho thuê máy móc thiết bị áp dụng thuế suất thuế doanh thu là 4% (điểm 9, mục VI Biểu thuế doanh thu ban hành kèm theo Nghị định số 96/CP ngày 27/12/1995 của Chính phủ).

2- Thuế lợi tức:

Do không xác định được chính xác chi phí của hoạt động cho thuê nên thuế lợi tức được áp dụng theo phương pháp khoán, căn cứ vào thực tế kinh doanh cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải. Bộ Tài chính ấn định mức thuế lợi tức khoán của hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải là 3% trên doanh thu tính thuế.

III- KÊ KHAI THU NỘP

Bên đi thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải của nước ngoài (gọi tắt là bên đi thuê) chịu trách nhiệm nộp các loại thuế được quy định trên vào Ngân sách Nhà nước thay cho bên cho thuê trước khi chi trả tiền thuê (khấu trừ tiền thuế trước khi trả tiền thuê).

1- Thủ tục đăng ký thuế:

- Trong phạm vi 7 ngày kể từ khi ký hợp đồng. Bên đi thuê phải thực hiện khai báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi đóng trụ sở chính về hoạt động đi thuê.

Thủ tục đăng ký gồm:

- + Tờ khai đăng ký nộp thuế thay cho bên cho thuê (mẫu đính kèm).
- + Bản sao hợp đồng thuê bằng tiếng Việt.
- + Trong phạm vi 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế, cơ quan thuế địa phương có trách nhiệm thông báo với bên đi thuê số thuế phải khấu trừ của bên cho thuê, thời hạn nộp thuế, tài khoản của NSNN tại Kho bạc.

2- Thủ tục kê khai nộp thuế:

- Mỗi khi thanh toán tiền thuê theo hợp đồng, bên đi thuê phải kê khai số thuế phải nộp với cơ quan thuế và có trách nhiệm khấu trừ thuế doanh thu và thuế lợi tức từ số tiền thuê phải trả cho bên cho thuê và nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trường hợp trong hợp đồng tiền thuê chưa có cơ cấu thuế doanh thu thì tiền thuế doanh thu nộp NSNN được hạch toán vào chi phí của bên đi thuê. Trường hợp phát hiện kê khai số thuế phải nộp chưa chính xác, cơ quan thuế sẽ thông báo lại số thuế phải nộp.
- Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc hợp đồng bên đi thuê có trách nhiệm thanh quyết toán với cơ quan thuế về số thuế thực tế phải nộp theo thanh lý hợp đồng.
- + Trường hợp khi quyết toán thuế, số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã nộp thì bên đi thuê có trách nhiệm nộp số còn thiếu vào NSNN trong phạm vi 5 ngày sau khi quyết toán thuế.
- + Trường hợp khi quyết toán thuế số đã nộp lớn hơn số phải nộp thì Bộ Tài chính sẽ hoàn trả số nộp thừa. Để có căn cứ hoàn trả tiền thuế nộp thừa, bên đi thuê phải gửi cho Bộ Tài chính các tài liệu sau:
 - * Công văn đề nghị hoàn trả;
 - * Bản thanh lý hợp đồng;
 - * Xác nhận của cơ quan thuế địa phương về số phải nộp và số đã nộp;
 - * Chứng từ nộp thuế (bản sao)
- Cơ quan quản lý thu thuế có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản từng loại thuế đã được nộp cho bên cho thuê để làm căn cứ khấu trừ ở nước sở tại trong trường hợp nước của bên cho thuê đã ký Hiệp định tránh đánh thuế trùng với Việt Nam.